

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Hoàng Văn Diệp

**HỆ THỐNG DI TÍCH TIỀN ĐÔNG SƠN Ở PHÚ THỌ VÀ
VỊ TRÍ CỦA CHÚNG TRONG THỜI ĐẠI ĐỒ ĐỒNG CHÂU
THỔ SÔNG HỒNG**

Chuyên ngành: Khảo cổ học

Mã số: 62 22 03 17

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Hà Nội – 2023

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Hán Văn Khẩn
PGS.TS Đặng Hồng Sơn

Phản biện:

.....

Phản biện:

.....

Phản biện:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia
chấm luận án tiến sĩ họp tại
..... vào hồi giờ ngày tháng năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia

Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phú Thọ là một địa bàn quan trọng của khảo cổ học Việt Nam. Trong số những phát hiện khảo cổ học tại Phú Thọ, hệ thống các di tích tiền Đông Sơn đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong quá trình nhận thức về các văn hoá tiền Đông Sơn và Đông Sơn ở châu thổ sông Hồng. Mặc dù đã có rất nhiều các nghiên cứu khảo cổ học về thời kỳ tiền Đông Sơn ở châu thổ sông Hồng, nhưng chưa có bất kỳ một công trình nào nghiên cứu riêng về hệ thống các di tích này ở Phú Thọ. Đề tài ***“Hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ và vị trí của chúng trong thời đại đồ đồng châu thổ sông Hồng”*** góp phần diễn giải sâu hơn về quá trình phát triển các di tích tiền Đông Sơn ở châu thổ sông Hồng.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án là các di tích khảo cổ học thời kỳ tiền Đông Sơn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

3. Mục đích nghiên cứu

Tập hợp và hệ thống hoá tư liệu về các di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ. Làm rõ những đặc trưng cơ bản về phân bố, tầng văn hoá, di tích, di vật của các di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ. Diễn giải quá trình phát triển và những nguyên nhân tác động đến quá trình ấy. Làm rõ các mối quan hệ văn hoá của các di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ với các di tích ở khu vực khác.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp loại hình học, phương pháp khảo cổ học môi trường, khảo cổ học cư trú và logic lịch sử.

5. Thuật ngữ

6. Bố cục

Luận án bao gồm phần mở đầu, phần nội dung, kết luận và phụ lục. Phần nội dung của Luận án được chia thành 4 chương như sau:

Chương 1. Tổng quan

Chương 2. Đặc điểm di tích di vật hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ

Chương 3. Quá trình phát triển, niên đại và đời sống cư dân tiền Đông Sơn ở Phú Thọ.

Chương 4. Hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ trong bối cảnh thời đại đồ đồng ở châu thổ sông Hồng và miền Bắc Việt Nam.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN

1.1. Đặc điểm môi trường sinh thái tỉnh Phú Thọ

1.1.1. Vị trí địa lý

Phú Thọ là tỉnh thuộc vùng miền núi trung du Bắc Bộ. Địa giới hành chính hiện tại của Phú Thọ giáp với Tuyên Quang ở phía Bắc và Đông Bắc, giáp Vĩnh Phúc ở phía Đông, giáp với Hà Nội phía Đông Nam và giáp Hòa Bình ở phía Nam, giáp Sơn La ở phía Tây, giáp Yên Bái ở phía Bắc và Tây Bắc. Phú Thọ có tổng diện tích đất tự nhiên là 3.533,3 km² có 13 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các huyện: Đoan Hùng, Hạ Hòa, Thanh Ba, Cẩm Khê, Phù Ninh, Lâm Thao, Tam Nông, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Tân Sơn và Yên Lập

1.1.2. Đặc điểm địa hình, địa mạo:

Địa hình tỉnh Phú Thọ mang đặc điểm nổi bật là chia cắt tương đối mạnh, nằm ở phần cuối của dãy Hoàng Liên Sơn, nơi chuyển tiếp giữa miền núi cao và miền núi thấp, gò đồi, độ cao giảm dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam

Đặc điểm Địa chất: hệ tầng đệ tứ ở Phú Thọ gồm các hệ tầng sau: hệ tầng Mỹ Lương, hệ tầng Xuân Quang, hệ tầng Minh Khai, hệ tầng Thủy Chạm, hệ tầng Phùng Nguyên, hệ tầng Gò Mun, các trầm tích hồ đầm lầy và trầm tích không phân chia.

1.1.3. Thủy văn

Phú Thọ có hệ thống sông suối khá dày đặc với 3 con sông lớn là sông Hồng, sông Đà và sông Lô và các phụ lưu của chúng. Sông Đà ở phía Đông Nam, là ranh giới với Hà Nội, sông Lô ở phía Đông Bắc là ranh giới với tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang và sông Hồng (sông Thao) chảy qua giữa tỉnh chia tỉnh thành hai phần. Sông Bứa là 2 phụ lưu nhất của sông Hồng ở Phú Thọ

1.1.4. Khí hậu:

Phú Thọ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa; mùa hè nắng, nóng, mưa nhiều, hướng gió thịnh hành là gió mùa Đông Nam; mùa đông lạnh, khô, lượng mưa ít, hướng gió thịnh hành là gió mùa Đông Bắc

1.2. Lịch sử phát hiện, thám sát và khai quật những di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ.

1.2.1. Những di tích thuộc văn hoá Phùng Nguyên

Những di tích thuộc văn hoá Phùng Nguyên đã được phát hiện và nghiên cứu ở Phú Thọ gồm Phùng Nguyên, Gò Bông, Gò Đồng Xấu,

Xóm Rền, An Đạo, Khu Đường, Gò Dạ, Gò Ghệ, Thành Dền (Cao Xá), Gò Chùa Cao, Đồi Giàm, Gò Diễn, Gót Rễ, Gò Chè, Hồng Đà, Gò Chùa (Tĩnh Cương), Gò Chùa (Hương Nộn), Xóm Kiếu, Gò Miếu, Gò Mông

1.2.2. Những di tích nhóm Gò Con Lợn – Mả Đổng

Trên địa bàn Phú Thọ những di tích thuộc nhóm này bao gồm Gò Con Lợn, Đồi Ba Trăm (Quang Húc), Đoan Thượng.

1.2.3. Những di tích thuộc văn hoá Đông Đậu

Các di tích thuộc văn hoá Đông Đậu ở Phú Thọ khá mờ nhạt, chỉ có di tích Đông Đậu Con và mộ táng giai đoạn Đông Đậu ở Gò Diễn

1.2.4. Những di tích thuộc văn hoá Gò Mun

Những di tích văn hoá Gò Mun ở Phú Thọ được phát hiện và nghiên cứu gồm Nội Gan, Gò Mun, Gò Chiền, Gò Gai, Gò Tro Trên, Gò Tro Dưới, Gò Con Cá, Gò Chon, Mã Lao

2. Lịch sử nghiên cứu hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ

Giai đoạn 1959 – 1971: giai đoạn phát hiện, nghiên cứu gắn liền với nghiên cứu thời đại Hùng Vương. Các văn hoá khảo cổ được xác lập, các đặc trưng văn hoá bước đầu làm rõ.

Giai đoạn 1972 – 2001: Giai đoạn làm rõ những nội dung của các văn hoá khảo cổ đã được đặt ra trong giai đoạn nghiên cứu trước.

Giai đoạn 2002 – 2022: Giai đoạn nghiên cứu tổng hợp, chuyên sâu về từng vấn đề cụ thể.

CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM DI TÍCH, DI VẬT CỦA HỆ THỐNG CÁC DI TÍCH TIỀN ĐÔNG SƠN Ở PHÚ THỌ

2.1. Loại hình, đặc điểm di tích

2.1.1. Di chỉ cư trú

Phần lớn các di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ là di chỉ cư trú (38/44 di tích). Hệ thống di tích cư trú tập trung phân bố ở khu vực đồi gò thấp liền kề với khu vực đồng bằng tạo bởi các con sông Hồng, sông Đà, sông Lô. Độ cao so với mặt biển từ 15 – 35m, cao so với mặt ruộng hiện tại từ 0,5 – 15m. Diện tích các khu cư trú từ 5000m² cho đến 20.000m². Các di tích phân bố cách nhau từ 1 – 5km.

2.1.2. Di chỉ - xưởng

Số lượng các di chỉ xưởng không nhiều, nhưng tập trung ở khu vực hữu ngạn sông Hồng, hợp lưu của sông Hồng và sông Đà. Các di chỉ xưởng gồm có Đoan Thượng, Hồng Đà, Gò Chon, Gò Chè, Thọ Sơn, Ô Rô.

2.1.3. Di chỉ mộ táng

Số lượng mộ táng không nhiều. Mộ táng phát hiện tại Xóm Rền (10 mộ), Gò Diển (5 mộ), Ghê - Dạ (2 mộ), Gò Mun (1). Phần lớn xương cốt đã bị mủn nát. Di vật tùy táng chôn theo gồm các công cụ như đồ đá, đồ đồng, đồ gốm. Trong đó có mộ ở Xóm Rền chôn theo 2 Nha chương, vòng tay và hạt chuỗi.

2.2. Đặc điểm tầng văn hoá và di tích trong tầng văn hoá

2.2.1. Tầng văn hoá

Tầng văn hoá các di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ có nhiều điểm thống nhất. Hầu hết các di tích chỉ có một tầng văn hoá, không có lớp vô sinh ngăn cách. Tầng văn hoá thường không quá dày, không nhiều giai đoạn phát triển liên tục như các di tích tiền Đông Sơn ở khu vực đồng bằng.

2.2.2. Di tích trong tầng văn hoá

Trong tầng văn hoá xuất lộ một số loại hình di tích như di tích hố đất đen, di tích nền đất vàng, di tích bếp lửa, di tích hầm thóc, di tích mộ táng.

2.3. Đặc điểm và loại hình di vật.

2.3.1. Di vật đá

Di vật đá hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ bao gồm: công cụ sản xuất, đồ trang sức, vũ khí. Công cụ sản xuất gồm: rìu, bôn, đục, dao, cưa, liềm, cuốc, bàn mài, bàn đập; đồ trang sức bao gồm vòng tay, khuyên tai, vật đeo; vũ khí gồm giáo, lao, mũi tên. Công cụ đá được làm từ những loại đá ngọc, có màu sắc đẹp và chất lượng tốt. Công cụ nhỏ, hiếm công cụ lớn. Nha chương và những vòng tay có ren thể hiện trình độ chế tác đỉnh cao. Giai đoạn muộn có thêm loại hình khuôn đúc.

2.3.2. Di vật đồng

Đồ đồng trong các di tích thuộc giai đoạn Phùng Nguyên rất hiếm hoi, những dấu tích đồng được tìm thấy tại di tích Gò Bông, trên vòng tay mặt cắt chữ T ở Gò Ghê. Giai đoạn Đông Đậu có một số đồ đồng được tìm thấy ở mộ Gò Diển như rìu, dũa. Ở Gò Mun, loại hình đồ đồng khá đa dạng và phong phú với các loại công cụ sản xuất, đồ trang sức, vũ khí, tượng. Kỹ thuật đúc đồng phát triển bùng nổ trong giai đoạn Đông Đậu, đến giai đoạn Gò Mun tiếp tục kế thừa và phát triển mạnh hơn.

2.3.3. Di vật gốm

Loại hình gốm: gồm các loại đồ gốm sản xuất, đồ gốm sinh hoạt, trang sức, tượng nghệ thuật. Nhóm công cụ sản xuất gồm có các loại:

dội xe chỉ, cù quăng, khuôn đúc đồng, bàn đập gôm. Nhóm đồ gốm sinh hoạt gồm bát, nồi, bình, vò, thố, cốc, ấm. Nhóm đồ trang sức gồm vòng tay gốm. Đồ gốm mảnh thu được số lượng lớn, gồm các mảnh miệng, mảnh thân, mảnh đáy. Với kiểu miệng đa dạng, hoa văn phong phú mang đặc trưng riêng cho từng giai đoạn phát triển. Hoa văn gốm Phùng Nguyên ở Phú Thọ với đặc trưng là các hoa văn được trang trí thành băng, dải, in chấm, in lặn trong khung khắc vạch. Hoa văn giai đoạn Đồng Đậu với hoa văn khắc vạch khuôn nhạc hình sóng nước. Hoa văn giai đoạn Gò Mun đặc trưng bởi hoa văn khắc vạch từng vạch đơn, in chấm, in cuống rạ trong lòng miệng gốm.

Tổ hợp di vật tiền Đông Sơn ở Phú Thọ cho thấy sự đầy đủ các giai đoạn văn hoá cũng như sự trù mật của các di tích làm cho sưu tập di tích, di vật của thời kỳ tiền Đông Sơn ở Phú Thọ cực kỳ phong phú và đa dạng. Gần như đầy đủ các loại hình di tích, các loại hình di vật của thời kỳ tiền Đông Sơn ở châu thổ sông Hồng đều được tìm thấy ở Phú Thọ. Trong đó một số di tích di vật thậm chí không gặp ở nơi nào khác như nha chương, cù quăng, vòng gốm, ấm gốm.

Đồ đá, đồ đồng, đồ gốm đều cho thấy sự phong phú về loại hình, trình độ chế tác cao, khiêu thâm mỹ và tính thống nhất trong nền cảnh tiền Đông Sơn nói chung ở châu thổ sông Hồng.

CHƯƠNG 3.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN, NIÊN ĐẠI VÀ ĐỜI SỐNG CƯ DÂN TIỀN ĐÔNG SƠN Ở PHÚ THỌ

3.1. Quá trình phát triển các di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ

Giai đoạn Phùng Nguyên sớm: Gò Bông, Xóm Rền, Thành Dền

Giai đoạn Phùng Nguyên điển hình: Phùng Nguyên, Khu Đường, An Đạo, Xóm Rền, Gò Đồng Xấu, Gò Chùa, Thọ Sơn, Ô Rô, Đồi Giàn

Nhóm Gò Con Lợn, Quang Húc, Đoan Thượng tương đương với Phùng Nguyên muộn.

Sau bình tuyến Phùng Nguyên, giai đoạn Đồng Đậu ở Phú Thọ khá mờ nhạt với sự xuất hiện của di tích Đồng Đậu Con và mộ Đồng Đậu ở di tích Gò Diễn

Trên cơ sở so sánh di vật ở lớp trên của di tích Đồng Đậu (được xếp vào Gò Mun I – sớm), di vật trong địa tầng của di tích Gò Mun và các di tích khác, có thể xếp quá trình phát triển các di tích Gò Mun ở Phú Thọ như sau:

Giai đoạn Gò Mun sớm: là các di tích có yếu tố Đồng Đậu, nhưng trong tổ hợp di vật đã xuất hiện gồm Gò Mun đó là các di tích Nội Gan, Mã Lao, Gò Tôm.

Giai đoạn Gò Mun điển hình: lớp sớm ở di tích Gò Mun và di tích Gò Gai (Bãi Dưới)

Giai đoạn Gò Mun muộn: gồm các di tích lớp trên của di tích Gò Mun, Gò Chiền, lớp trên di tích Gò Gai, Gò Tro Trên, Gò Tro Dưới, Gò Con Cá, mộ ở Gò Ghệ, Gò Dạ.

3.2. Niên đại

Không nhiều các di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ được phân tích niên đại tuyệt đối. Một số di tích có niên đại tuyệt đối như Xóm Rền, Đồi Giầm lại có quá ít mẫu được phân tích, không tạo thành một hệ thống các kết quả để đối sánh. Đồng thời, một vài mẫu được thu thập trong bối cảnh địa tầng không rõ ràng. Do vậy có nhiều khó khăn trong việc định niên đại cho hệ thống các di tích này.

Căn cứ trên những niên đại đã biết, và hiệu chỉnh chúng theo thuật toán, chúng ta có thể thấy niên đại của văn hoá Phùng Nguyên nói chung nằm trong khoảng 4500 ~ 3000 BP với độ tin cậy trên 90%. Điều này không có nghĩa là văn hoá Phùng Nguyên bắt đầu từ 4500 năm và kết thúc lúc 3000 năm BP mà khoảng từ 4500 ~ 3000 năm BP 90% bao hàm được văn hoá Phùng Nguyên. Cũng theo cách đó, giai đoạn sớm của văn hoá Phùng Nguyên có niên đại trong khoảng 4500 ~ 4000 năm BP, giai đoạn giữa 4000 ~ 3500 BP và giai đoạn muộn 3500 ~ 3000 BP.

Đối với các di tích thuộc nhóm Gò Con Lợn, Gò Mã Đổng, Đuan Thượng, Quang Húc. Chỉ có di tích Gò Mã Đổng có 1 mẫu niên đại, mẫu Bln – 1277 cho niên đại 4145 với sai số 60 năm. Hiệu chỉnh cho kết quả ở độ tin cậy 95.4% là 2888 ~ 2574 BC, tương ứng với 4838 ~ 4524 BP. Trong nhận thức chung, niên đại này là quá sớm so với hệ thống di vật ở nhóm di tích này

Như vậy, trên cơ sở hiệu chỉnh các kết quả hiện biết, có thể tạm xếp các di tích văn hoá Gò Mun ở Phú Thọ nằm trong khoảng 2700 ~ 2300.

3.3. Chuyển biến văn hoá của hệ thống các di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ

3.3.1. Chuyển biến không gian phân bố

Các di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ có sự biến động nhất định về số lượng và phạm vi phân bố di tích theo không gian.

Nêu như ở giai đoạn sơ kỳ thời đại đồng thau (giai đoạn Phùng Nguyên) số lượng các di tích nhiều (có 28 địa điểm), thì sang giai đoạn trung kỳ đồng thau (giai đoạn Đông Đậu) số lượng di tích giảm đi đột ngột (có 2 địa điểm), nhưng đến hậu kỳ thời đại đồng thau (giai đoạn Gò Mun) số lượng di tích lại tăng lên (có 16 địa điểm).

Tuy nhiên, nếu chỉ đặt riêng các di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ để diễn giải quá trình biến đổi văn hoá thì thực sự không thể giải thích được các vấn đề. Do đó phần này chúng tôi đặt sự biến đổi ấy trong bối cảnh của hệ thống các di tích tiền Đông Sơn ở châu thổ sông Hồng mà các di tích tiền Đông Sơn ở tiểu vùng địa lý như Phú Thọ là một phần quan trọng không thể tách rời khỏi hệ thống ấy.

Đối với các di tích thuộc giai đoạn văn hoá Phùng Nguyên. Tài liệu khảo cổ cho thấy có sự thay đổi về không gian cư trú cũng như các đặc điểm văn hoá theo trình tự sớm muộn.

Các di tích giai đoạn sớm của văn hoá Phùng Nguyên cơ bản có những đặc điểm khá tương đồng về địa tầng, di tích, di vật. Những đặc điểm đó là phổ biến các công cụ sản xuất bằng đá có kích thước vừa và nhỏ, chất liệu phổ biến là đá ngọc, spilit... Đồ gốm có những đặc điểm như có phủ chất bột trắng, chất liệu gốm mịn, phổ biến hoa văn khắc vạch trên nền thừng, hoa văn khắc vạch khá phóng khoáng và đôi khi tùy tiện.

Có thể thấy có một đặc điểm chung về môi trường cảnh quan xung quanh các di tích này có đặc điểm là: phân bố trên các khu gò cao, khá gần các con sông lớn, xung quanh di tích là các đồi gò hình bát úp phân bố liên tiếp, nối liền với nhau, dưới chân gò là những khoảng đất trũng bằng phẳng. Như vậy, ở giai đoạn sớm, môi trường sinh thái mà các cư dân phải thích nghi đó là môi trường sinh thái đồi gò. Các đồi gò gần các sông lớn và khi lũ lên xung quanh thường bị ngập lụt và các gò nổi lên như một ốc đảo.

Các di tích thuộc giai đoạn Phùng Nguyên cổ điển: giai đoạn này, các di tích có sự tăng lên về số lượng cũng như mở rộng khu vực phân bố. Ngoài các di tích tiếp tục phát triển từ giai đoạn sớm thì các di tích mới của giai đoạn này đã bắt đầu lan rộng theo dòng chảy các con sông và chiếm lĩnh các khu vực đất đai có địa hình ít đồi núi và thấp hơn, phân bố gần với các con sông hơn ở giai đoạn trước. Địa hình của các di tích giai đoạn này là đồi gò thấp - đồng bằng. Các yếu tố mới về đồ gốm, đồ đá được hình thành. Cũng trong giai đoạn này các nhà khảo

cổ đã phát hiện nha chương, là một loại hình di vật vô cùng đặc sắc của văn hóa Phùng Nguyên.

Các di tích thuộc giai đoạn Phùng Nguyên muộn: các di tích được phát hiện khá nhiều. Đến giai đoạn này, về đồ gốm có sự biến đổi so với giai đoạn trước, loại gốm rất mịn, phong cách trang trí hoa văn phóng khoáng, hoa văn khắc vạch trên nền thừng gần như mất hẳn, gốm tương đối mịn có hoa văn với bố cục chặt chẽ, quy chuẩn có hiện tượng suy thoái, một số hoa văn mới mang hơi hướng Đông Đậu xuất hiện. Về tổng thể, các di tích thuộc giai đoạn Phùng Nguyên muộn có chiều hướng tiến về phía hạ châu thổ, các di tích phần lớn nằm ở khu vực có đồng bằng rộng lớn bao quanh.

Khi xem xét sự thay đổi về địa bàn phân bố chúng ta thấy có một số điểm đáng ghi nhận trong sự chuyển biến này:

Thứ nhất, có thể nhận thấy một xu hướng dịch chuyển về địa bàn cư trú và cảnh quan sinh thái, từ thượng châu thổ dịch dần về phía hạ châu thổ sông Hồng. Về cảnh quan chuyển dần từ đồi gò cao sang đồi gò thấp – đồng bằng và sau cùng là chiếm lĩnh khu vực đồng bằng.

Thứ hai, có sự tăng lên về số lượng di tích và mở rộng khu vực phân bố qua các giai đoạn phát triển. Từ chỉ có số ít các di tích có niên đại sớm phân bố rải rác ở các đồi gò cao, đến giai đoạn giữa đã chiếm lĩnh nhiều nơi thuộc khu vực trung du thượng châu thổ, đến giai đoạn muộn đã chiếm lĩnh khu vực đồng bằng trũng thấp.

Thứ ba, có sự xuất hiện của những yếu tố mới. Bên cạnh di vật thường thấy trong các di tích khảo cổ học tiền sơ sử là đồ đá và đồ gốm thì có những di tích di vật đặc biệt khác như giai đoạn Phùng Nguyên cổ điển có nha chương đá (Xóm Rền, Phùng Nguyên), giai đoạn muộn có qua đá (phát hiện ở Khu Đường, Lũng Hòa, Vườn Chuối). Về di tích, các hố đất đen hình vuông, hình chữ nhật có vách thẳng đứng chủ yếu xuất hiện trong các di tích Phùng Nguyên muộn, và cũng trong giai đoạn này, có nhiều di tích tìm được cả những hạt gạo cháy. Sự xuất hiện của những hạt gạo cùng với cảnh quan của di tích chứa chúng cho phép chúng ta suy đoán về sự hình thành của nghề nông trồng lúa nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.

Ở giai đoạn tiếp theo là quá trình chuyển biến từ Phùng Nguyên sang Đông Đậu. Điều dễ nhận thấy nhất của những sự chuyển biến Phùng Nguyên sang Đông Đậu là sự dịch chuyển về địa bàn cư trú. Khi xem xét đặc điểm di tích và không gian phân bố, chúng tôi nhận thấy rằng các di tích thuộc giai đoạn Phùng Nguyên sớm và phần lớn

các di tích thuộc giai đoạn Phùng Nguyên cổ điển chủ yếu phân bố ở khu vực mà hiện nay là khu vực đồi gò hình bát úp, có độ chênh cao lớn so với địa hình xung quanh. Trước khi các trầm tích trẻ được bồi lấp vào các vùng thấp xung quanh thì có lẽ độ chênh của các đồi gò này còn cao hơn hiện nay. Xung quanh nơi cư trú của họ cũng là những ngọn đồi hình bát úp kéo dài liên tiếp như vậy. Trong điều kiện sinh thái nhiệt đới ẩm gió mùa, có thể hình dung xung quanh những nhóm cư dân này là những cánh rừng rậm nhiệt đới và các dòng chảy lớn, nhỏ, đủ cung cấp các nguồn thức ăn thiết yếu cho đời sống hàng ngày của họ. Bắt đầu từ di tích Phùng Nguyên, Khu Đường (các di tích này được xếp vào giai đoạn Phùng Nguyên cổ điển) quá trình chuyển tiếp từ địa hình cao của trung du xuống khu vực đồng bằng còn sót những đồi gò thấp, sang đến giai đoạn Phùng Nguyên muộn, xu thế đó rất rõ ràng. Các di tích thuộc giai đoạn Phùng Nguyên muộn không còn tập trung ở khu vực đồi gò cao nữa mà chuyển hẳn về khu vực thấp hơn. Xung quanh nơi cư trú của các cư dân giai đoạn này là khu vực đất đai bằng phẳng màu mỡ được bồi đắp bởi phù sa của các con sông. Đến giai đoạn này, các di tích văn hóa Phùng Nguyên không còn tập trung ở Phú Thọ ngày nay nữa mà tập trung một số ít ở Vĩnh Phúc và tập trung đông đảo ở khu vực Đông Anh và Tây Hà Nội, có những di tích nằm trong nội thành Hà Nội như ở Đan Xã Tắc, hay xuôi hẳn về phía hạ châu thổ như Triều Khúc, Văn Điển. Đáng chú ý là ở khu vực tỉnh Phú Thọ (địa bàn cơ bản của văn hóa Phùng Nguyên) không tìm thấy một di tích Đông Đậu thực thụ, chỉ có di tích Đông Đậu Con được xếp vào giai đoạn Đông Đậu. Ở giai đoạn chuyển từ Phùng Nguyên muộn – Đông Đậu sớm chúng ta thấy rằng về không gian phân bố các di tích kể trên tập trung phần lớn ở xung quanh khu vực Hà Nội ngày nay, trong đó khu vực xung quanh thành Cổ Loa có số lượng nhiều hơn cả. Đặc điểm sinh thái của những di tích này là phân bố trên các khu đất cao với diện tích bề mặt lớn, độ dốc thấp, xung quanh là khu vực đất đai bằng phẳng với nguồn nước dồi dào. Đây là điều kiện lý tưởng cho phát triển nông nghiệp lúa nước.

Màu sắc của tầng văn hóa cũng là một sự khác biệt đáng chú ý. Trong khi các di tích Phùng Nguyên sớm, cổ điển thường có màu hơi sẫm hơn so với đất mặt trong khi đó các di tích Phùng Nguyên muộn – Đông Đậu sớm tầng văn hóa thường có màu đen thẫm, điều đó phản ánh hoạt động của nhóm di tích giai đoạn muộn có sự phân hủy hữu cơ nhiều hơn các di tích có niên đại sớm.

Những di tích Phùng Nguyên muộn – Đồng Đậu sớm thường là những di tích có tầng văn hóa dày và phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau như Đồng Đậu, Thành Dền, Đình Trảng. Đặc biệt hơn nữa, những di tích có lớp văn hóa Đồng Đậu thường không bao giờ đứng độc lập đơn nhất mà thường là đi kèm với Phùng Nguyên muộn hoặc kèm với Gò Mun sớm. Điều này thể hiện tốc độ phát triển của giai đoạn Đồng Đậu là tương đối cao, mà nguyên nhân của sự biến đổi nhanh chóng đó có thể đến từ hệ quả trực tiếp của nông nghiệp lúa nước và luyện kim.

Đối với giai đoạn Gò Mun, các di tích được xếp vào giai đoạn Gò Mun sớm, phần lớn các di tích dạng này là di tích có tầng văn hóa phát triển trực tiếp từ giai đoạn Đồng Đậu, phân bố chủ yếu ở cảnh quan Đồng Đậu, tức là dạng cảnh quan gò thấp có diện tích bề mặt lớn, bao quanh bởi đồng bằng rộng lớn. Môi trường xung quanh trũng thấp với nhiều đầm, hồ và các dòng chảy nhỏ. Các di tích thuộc giai đoạn này chủ yếu phân bố ở khu vực Hà Nội, Vĩnh Phúc, trong đó dày đặc nhất là ở Hà Nội.

Các di tích thuộc giai đoạn Gò Mun điển hình bắt đầu có xu hướng dịch chuyển dần về phía thượng thổ, nơi mà trước đó là địa bàn cư trú của cư dân văn hóa Phùng Nguyên. Trong đó đáng chú ý nhất là tư liệu địa tầng tại di tích Đồi Đồng Đậu (Ba Vì, Hà Nội). Tại di tích này, các nhà khảo cổ học đã nhận thấy sự tồn tại của tầng văn hóa Phùng Nguyên và tầng văn hóa Gò Mun, không có tầng văn hóa Đồng Đậu. Trong cuộc khai quật năm 2008, phát hiện một lớp vô sinh mỏng ngăn giữa hai tầng văn hóa. Tuy nhiên, lớp vô sinh này chỉ tồn tại ở một khu vực nhỏ, không bao phủ toàn bộ di tích [Nguyễn Thơ Đình, 2009]. Di tích Gò Non Sáu: được phát hiện năm 2010, khai quật năm 2012, thuộc thôn Tự Cường, xã Tam Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Kết quả khai quật tại đây cho thấy tầng văn hóa không tách bạch được các lớp phát triển qua địa tầng, nhưng rõ ràng có sự hiện diện của các hiện vật mang phong cách Gò Mun ở những lớp trên [Nguyễn Đức Trung, 2013]. Qua bằng chứng ở hai di tích nói trên, có thể thấy một hiện tượng là một số di tích có lớp văn hóa Phùng Nguyên và Gò Mun, nhưng lại hoàn toàn không có dấu tích của văn hóa Đồng Đậu. Sự vắng mặt của Đồng Đậu ở một số địa điểm thuộc khu vực thượng châu thổ có thể được giải thích bằng sự chuyển dịch về môi trường sinh thái. Rõ ràng, qua sự phân bố về cảnh quan các di tích trong mối quan hệ lịch đại, các di tích Đồng Đậu muộn, Gò Mun sớm vẫn chiếm tỉ lệ cao

ở hạ châu thổ, nhưng có xu hướng quay ngược lại khu vực thượng châu thổ ở giai đoạn Gò Mun điển hình và Gò Mun muộn, đến cuối giai đoạn Gò Mun muộn, xu hướng không còn là dịch chuyển nữa mà là sự mở rộng về địa bàn cư trú trên nhiều dạng địa hình khác nhau, các yếu tố của văn hóa Đông Sơn xuất hiện.

3.3.2. Sự phát triển của nông nghiệp

Sự phát triển của nông nghiệp thời cổ được minh chứng bằng những phát hiện khảo cổ học quan trọng. Trong số những phát hiện này, phát hiện đáng chú ý là những hạt gạo cháy ở địa điểm Đồng Đậu.

Địa điểm Đồng Đậu (Yên Lạc, Vĩnh Phúc) đã được khai quật trong ba mùa vào những năm 1965-1966; 1969 và 1984. Tầng văn hoá dày từ 2,6 đến 3,20m với một số hố đất đen đào vào sinh thổ.

Cuộc khai quật năm 1966, theo những người phụ trách khai quật, ở độ sâu 4m, lớp 4 (niên đại C14 3.300 ± 100 BP), thuộc văn hoá Phùng Nguyên, tại khu vực “bếp” 11, hố 2 ở độ sâu khoảng 4,9m tính từ bề mặt xuống đã phát hiện được nhiều vỏ trấu. Trong những báo cáo sau này có một niên đại C14 nữa 3050 ± 80 BP và một số lượng lớn than và gạo cháy được tìm thấy ở độ sâu 3,4m. Theo những người khai quật, mẫu được lấy từ lớp thuộc giai đoạn muộn của văn hoá Phùng Nguyên.

Những phân tích mẫu lúa gạo khai quật năm 1966 của Nguyễn Xuân Hiến, cho thấy 91% trong tổng số mẫu có dạng tròn, 8% có dạng bầu và 1% có dạng dài. Xét về hình dạng, những hạt lúa Đồng Đậu giống hạt “nếp cái”, một loại lúa nếp được trồng rất nhiều (chiếm tới 80%) trong khu vực. Những hạt lúa Đồng Đậu là loại đã được thuần dưỡng

Mẫu lấy từ khai quật năm 1984 đã được Đào Thế Tuấn phân tích, cho kết quả như sau: Mẫu lấy từ lớp văn hoá Đồng Đậu (tức lớp II từ 1,8 đến 1,4m ở hố II): 10 hạt dạng dài của loại lúa không phải là lúa nếp, một số hạt có dạng bầu dục dài kiểu lúa nếp nương.

Ở độ sâu từ 1,2 đến 1,5m (tức văn hoá Đồng Đậu muộn): dạng thon ngắn của loại không phải là lúa nếp, dạng tròn dài của lúa nếp và tròn ngắn của không phải lúa nếp.

Ở độ sâu từ 1,2-1,0m (tức Đồng Đậu muộn và Gò Mun sớm): dạng thon ngắn và thon dài của loại không phải là lúa nếp, và 02 hạt có dạng bầu dục ngắn và tròn dài của loại lúa nếp.

Tại di tích Gò Mun, các nhà khảo cổ đã phát hiện di tích hầm thóc. Tuy nhiên, do điều kiện khách quan nên hầm thóc này không được

ngiên cứu chi tiết đầy đủ. Mặc dù vậy, việc tích trữ thóc – gạo đã chứng tỏ người Gò Mun có một nền nông nghiệp lúa nước phát triển cao. Việc trữ thóc đó có thể là dự trữ dư thừa hoặc dự trữ giống cho mùa vụ kế tiếp.

Qua phân tích những hạt gạo địa điểm Đồng Đậu và ở một số địa điểm khác, Nguyễn Xuân Hiến cho rằng lúa sớm thuần dưỡng ở Việt Nam thuộc dạng hạt tròn và bầu; sau đó chuyển thành dạng thuôn và dài. Xu hướng này diễn ra ở cả hai miền Bắc và Nam và khác hẳn với những vùng trồng lúa láng giềng khác ở Đông Nam Á.

Trên thực tế chúng ta không có nhiều phân tích về lúa trồng giai đoạn sớm ở Việt Nam. Tuy vậy, trong hầu như tất cả các nghiên cứu về văn hoá Phùng Nguyên hay các văn hoá Tiền Đông Sơn ở châu thổ Bắc Bộ, các nhà nghiên cứu đều thống nhất ý kiến về sự phát triển và vai trò quan trọng của nghề trồng củ, làm vườn và trồng lúa trong giai đoạn văn hoá này.

Cũng cần lưu ý rằng, vết tích trực tiếp về lúa gạo trong các địa điểm văn hoá Phùng Nguyên sớm hầu như chưa thấy, dù những năm gần đây, việc thu thập toàn bộ tư liệu khai quật đã được chú trọng bằng cách rây khô hay rây nước.

Trong một nghiên cứu mới đây về thực vật ở châu thổ Bắc bộ (qua phân tích mẫu bào tử phấn hoa từ các địa điểm tiền Đông Sơn như Đại Trạch, Đình Tràng, Thành Dền, Đồng Đậu, Đồng Vông, Bãi Mèn) tác giả Nguyễn Thị Mai Hương đi tới kết luận ban đầu rằng, mật độ tập trung cao của Poacene với kích thước hạt lớn trong một số mẫu có nhiều khả năng liên quan tới trồng lúa và những hoạt động nông nghiệp.

3.3.3. Sự ra đời và phát triển của công cụ bằng đồng thau

Có thể nói rằng, bước chuyển quan trọng nhất trong quá trình chuyển tiếp từ văn hóa Phùng Nguyên sang văn hóa Đồng Đậu về mặt vật chất đó chính là sự xuất hiện của những công cụ bằng đồng thau và những bằng chứng của nghề luyện kim tại chỗ với khuôn đúc, nồi nấu đồng, lò nấu đồng, gi đồng, xi đồng... Và sau đó là giai đoạn phát triển mạnh của công cụ bằng đồng thau trong các giai đoạn Đồng Đậu và Gò Mun.

3.3.4. Chuyển biến công cụ đá

Các loại hình hiện vật được làm bằng đá là loại hiện vật phổ biến trong các di tích tiền Đông Sơn, tuy nhiên các loại hình hiện vật này không có sự thay đổi nhiều về loại hình qua thời gian. Nguyên nhân

của sự ít biến đổi này là nguyên liệu, công dụng và thói quen sử dụng chúng qua các giai đoạn là giống nhau, và quan trọng nhất là trải qua một quá trình phát triển lâu dài của kỹ thuật chế tác đồ đá nên đã đạt đến sự ổn định về loại hình.

3.3.5. Chuyển biến trên đồ gốm

Đồ gốm thay đổi các thuộc tính, trong đó phổ biến nhất là hoa văn trang trí và kiểu miệng đồ gốm.

3.3.6. Nguyên nhân và những yếu tố tác động đến quá trình chuyển biến.

Có thể hình dung cơ bản về những tác động và quá trình phát triển của các văn hoá tiền Đông Sơn ở châu thổ sông Hồng như sau: ở thời điểm khoảng 4200 – 3200 năm BP có những đợt suy giảm nhiệt độ và hạn hán kéo dài trên một khu vực rộng lớn. Các tài liệu địa chất cũng cho thấy ở giai đoạn này biển tiến khá sâu vào đất liền. Trong bài viết năm 2019 [Hoàng Văn Diệp, 2019], tác giả luận án đã đặt giả thuyết cho rằng, biển tiến đã đẩy tổ tiên của người Phùng Nguyên vốn cư trú ở rìa châu thổ sông Hồng cổ quanh khu vực Núi Lê – Núi Hồ khu vực Phủ Lý, Vụ Bản, Ninh Bình đi sâu về phía thượng châu thổ sông Hồng hình thành văn hoá Phùng Nguyên. Những cư dân giai đoạn muộn Phùng Nguyên chịu sự tác động của khô hạn, nguồn lợi tự nhiên giảm đi, hoạt động nông nghiệp do thiếu nước không đảm bảo được vì vậy họ di cư đến vùng thấp hơn, nơi có nguồn nước dồi dào hơn và đất đai đã trở nên ổn định sau khi biển lùi dần. Việc khai phá đất đai, cùng với sức ép về lương thực đã yêu cầu họ phải tìm kiếm những công cụ lao động mới. Cùng lúc này, những đợt di dân đến từ nhiều khu vực khác nhau do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã mang đến cho người Phùng Nguyên những yếu tố mới như kỹ nghệ luyện kim đồng thau, trị thủy canh tác nông nghiệp lúa nước, từ đó giai đoạn Đông Đậu bắt đầu. Đến cuối giai đoạn Đông Đậu, sự ổn định của nông nghiệp và luyện kim dẫn đến sự mở rộng về dân số, các nhóm cư dân lúc này có xu hướng mở rộng khu vực cư trú ra nhiều khu vực khác nhau, tạo nên một khu vực phân bố rộng hơn.

3.4. Đời sống cư dân

3.4.1. Đời sống kinh tế

Đến giai đoạn Gò Mun, thành tựu kinh tế sản xuất nông nghiệp và luyện kim mới được thể hiện đầy đủ trên đất Phú Thọ. Trước hết sự phát triển nhanh và tập trung cao (tới 50% di tích toàn lưu vực sông Hồng) về điểm cư trú ở vùng đất Phú Thọ. Cư dân nơi đây định cư ven

sườn đồi, gò đất thấp, gần khu đất trũng. Có thể làm ruộng nước, cấy lúa, làm hoa màu là phương thức canh tác nông nghiệp thời này. Nếu như những hạt thóc đã được biết đến từ Phùng Nguyên (muộn) tới Đông Đậu thì đến giai đoạn Gò Mun, tại di chỉ Gò Mun người ta đã tìm thấy cả một hầm ngũ cốc (lúa) bị mục gợi ý về sự dự trữ hoặc dư thừa lúa. Có lẽ trồng lúa không còn xa lạ với cư dân giai đoạn Gò Mun, nếu không nói là nguồn lương thực chính ở giai đoạn này.

3.4.2. Đòi sống tinh thần

Phần lớn các nhà nghiên cứu cho rằng người giai đoạn Phùng Nguyên ở Phú Thọ đã nhận thức các đẹp và biểu cảm cái đẹp ở trình độ cao. Tư duy về cái đẹp ở đây được thể hiện ở nghệ thuật tạo dáng công cụ lao động như những chiếc rìu, cái đục hình tứ giác nhỏ nhắn, trau chuốt, cân xứng, hài hoà. Tư duy thẩm mỹ của người Phùng Nguyên được kết tinh ở nghệ thuật tạo dáng đồ trang sức bằng đá. Những vật đeo hình thú, hình đuôi cá, khuyên tai 4 mẫu; những vòng đeo mặt cắt hình chữ “T”, hình chữ “D”, hình tam giác, hình chữ nhật... chế tạo tinh xảo, bằng đá ngọc nephrite với vân đẹp.

Về nét thẩm mỹ trên đồ trang sức bằng đá, nhất là khuyên tai phải nói đến giai đoạn Đông Đậu. Ngoài khuyên tai 4 mẫu, đã xuất hiện loại khuyên tai hình “gối quạ”.

Không chỉ trên đồ đá, mà bằng chất liệu đất nung, người cổ Phùng Nguyên đã tạo ra những loại hình đồ gốm hết sức cân đối, hài hoà giữa miệng, thân và đế; giữa các đồ vật mang những chức năng khác nhau: bình, vò, nôi, bát, đĩa ... Một trong những biểu hiện sinh động nhất về văn hoá tinh thần chính là các mô típ trang trí hoa văn trên đồ gốm. Bằng những đường vạch chìm và in ấn những chấm nhỏ ở giữa, người cổ Phùng Nguyên đã tạo ra các mô típ chữ “S” khác nhau: chữ “S” đơn, chữ “S” gối đầu nhau, móc vào nhau, có phần đệm tam giác, có những vạch ngắn, đường tròn đồng tâm hỗ trợ... Các mô típ ấy vừa uyển chuyển, thanh thoát, lại vừa chặt chẽ và sống động. Có lẽ những mô típ trang trí trên bát bông là sự kết tinh đỉnh cao của nghệ thuật Phùng Nguyên. Nếu như tư duy đối xứng qua các mô típ hoa văn đã thể hiện khá rõ từ giai đoạn văn hoá Phùng Nguyên, thì sang giai đoạn Gò Mun tư duy này đã được nâng lên một bước, bằng những mô típ kết hợp giữa những đoạn gấp khúc với các chấm tròn. Nếu như người Phùng Nguyên thiên về các đường cong kết hợp với in chấm, người Đông Đậu thiên về các đường cong uốn lượn mềm mại bằng que nhiều răng, thì người Gò Mun tập trung trang trí ở bản miệng đồ gốm, nơi

đề nhận thấy nhất với những đoạn thẳng gãy khúc, kết hợp với những đường cong, chấm tròn, đắp nổi.

Những nghiên cứu về cổ môi trường, cổ khí hậu cho thấy vào khoảng 4200 – 3200 năm BP trên thế giới có những đợt suy thoái về khí hậu và tạo nên những ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của con người, song song với đó là sự biến động của mực nước biển theo các chu kỳ địa chất. Nhiều đợt di dân trên thế giới đã diễn ra trong giai đoạn này.

Dưới tác động của sự biến đổi đó các cư dân Phùng Nguyên ở Phú Thọ có sự dịch chuyển về không gian phân bố đến nơi có điều kiện đất đai và nguồn nước phù hợp với sản xuất nông nghiệp hơn. Dẫn đến sự chuyên cư từ Phú Thọ về các vùng Vĩnh Phúc, Hà Nội, là những khu vực có đất đai rộng lớn, phù sa màu mỡ và nguồn nước dồi dào. Từ đó có những biến đổi về văn hoá. Đó là sự phát triển của luyện kim đồng thau, của nông nghiệp lúa nước, chăn nuôi. Kéo theo những biến đổi về công cụ đá, đồ gốm. Công cụ sản xuất bằng đá dần mất đi vai trò của của chúng và thay vào bằng những công cụ đồng. Đồ đá, đồ gốm mang tính thực dụng cao hơn. Sau giai đoạn Đồng Đậu, sự ổn định về kinh tế đã dẫn đến sự gia tăng về dân số, từ đó các nhóm cư dân đã mở rộng khu vực cư trú trên một khu vực rộng lớn hơn bao gồm cả vùng đất trung du của người Phùng Nguyên trước đây và vùng trũng thấp ở châu thổ sông Hồng.

Trong quá trình phát triển, các cư dân tiền Đông Sơn đã xây dựng cho mình một nền kinh tế vật chất ổn định với nông nghiệp, khai thác thuỷ sản, thủ công nghiệp chế tác đá, gốm, mộc, đan lát, luyện kim... Cùng với đó là đời sống tinh thần phong phú, tính thẩm mỹ cao với các đồ trang sức đẹp, cầu kỳ và những hoạ tiết hoa văn độc đáo trên đồ gốm.

CHƯƠNG 4.

HỆ THỐNG DI TÍCH TIỀN ĐÔNG SƠN Ở PHÚ THỌ TRONG BỐI CẢNH THỜI ĐẠI ĐỒ ĐỒNG CHÂU THỔ SÔNG HỒNG VÀ MIỀN BẮC VIỆT NAM

4.1. Hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ với hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở châu thổ sông Hồng.

Trong cái nhìn tổng thể, hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ là một bộ phận nằm trong tổng thể các văn hoá tiền Đông Sơn ở châu thổ sông Hồng

Tiêu biểu cho thời đại đồng thau ven rìa châu thổ Bắc Bộ là nhóm di tích ở tỉnh Vĩnh Phúc; và Hà Nội (bao gồm cả Hà Tây cũ và khu vực Cổ Loa).

Có thể xem Phú Thọ và phía Tây Hà Nội là địa bàn chiếm cư đầu tiên của các cộng đồng cư dân khác nhau trong thời đại đồng thau ở lưu vực sông Hồng.

Cũng như Phú Thọ, giai đoạn Đồng Đậu ở Hà Nội ít địa điểm (6 địa điểm) Trong đó địa điểm Vườn Chuối có thể coi là một địa điểm quan trọng bậc nhất của giai đoạn Đồng Đậu, Gò Mun ở khu vực này. Di tích Vườn Chuối cho tới nay đã được khai quật nhiều lần. Thực chất, Vườn Chuối và các di tích xung quanh nên được gọi là phức hợp các di tích Vườn Chuối, trong đó Vườn Chuối là di tích trung tâm. Những phát hiện đặc sắc ở Đồng Đậu hầu như đều có mặt tại Vườn Chuối.

Sang giai đoạn Gò Mun, ở Hà Nội tuy không có nhiều di tích với một độ tập trung cao như vùng Lâm Thao (Phú Thọ), không có địa điểm bao hàm giai đoạn giữa và muộn của văn hoá Gò Mu như Phú Thọ, song lại có một số địa điểm tầng văn hoá dưới thuộc văn hoá Gò Mun, còn tầng trên thuộc văn hoá Đông Sơn, như: Vinh Quang, Chiền Vạy (Hà Nội), mà ở Phú Thọ chưa thấy. Phải chăng, sự hình thành văn hoá Đông Sơn diễn ra đầu tiên ở vùng rìa châu thổ và châu thổ Bắc Bộ. Hay, vai trò trung tâm thời đại đồng thau của trung du Phú Thọ đã nhường chỗ cho vùng châu thổ Bắc Bộ khi bước vào giai đoạn Đông Sơn sớm.

Khác với người Phùng Nguyên trên đất Phú Thọ, người Phùng Nguyên ở Cổ Loa có niên đại muộn hơn, trong các di tích của họ đã có những yếu tố của giai đoạn Đồng Đậu. Trong đó, di tích Đồng Vông được đánh giá là dấu vết của những cư dân đầu tiên rời bỏ vùng trung du xuống đồng bằng, là dấu tích sớm nhất của thời đại kim khí ở Cổ Loa dù có những yếu tố của giai đoạn sớm nhưng đã khai thác một số kim loại và bước đầu phát triển nghề luyện kim, chế tạo kim loại; đặt cơ sở cho sự phát triển của giai đoạn sau. Dù vậy, cư dân Cổ Loa vẫn dùng đá làm công cụ, đồ trang sức với chất liệu, loại hình giống hệt cư dân cùng thời ở Phú Thọ. Điềm khác về đồ gốm là: ngoài gốm chày, gốm mịn ở Cổ Loa còn xuất hiện gốm xốp ở các di chỉ Phùng Nguyên điển hình hoặc muộn; rồi giảm dần ở các di tích Đồng Đậu, qua Gò Mun. Nơi đây, bi, dọi xe sợi, chày lưới và chày gốm có số lượng khá

lớn. Hoa văn trên đồ gốm có những đồ án mang đặc trưng Phùng Nguyên rất rõ nét.

Sự phát triển tiếp nối Phùng Nguyên lên Đồng Đậu ở Cổ Loa rõ hơn vùng Phú Thọ. Ngược lại, bước chuyển từ Đồng Đậu sang Gò Mun mới thấy qua địa tầng Đình Tràng, Đồng Đậu, Vườn Chuối mà không thấy ở Phú Thọ. Điều đó càng cho thấy xu hướng thay đổi địa bàn cư trú về phía hạ châu thổ ở giai đoạn Đồng Đậu – Gò Mun. Ở giai đoạn này trung tâm văn hoá nằm ở khu vực trung tâm của châu thổ sông Hồng.

4.2. Hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ với các di tích vùng diên hải Đông Bắc

Tiêu biểu cho hậu kỳ đá mới – sơ kỳ đồng thau vùng đồng bằng ven biển Đông Bắc là văn hoá Hạ Long và nhóm di tích Tràng Kênh, Bò Chuyền và Đầu Rằm. Dựa trên tổ hợp di vật của những di tích, văn hoá này đều cho thấy có mối liên hệ chặt chẽ với hệ thống các di tích tiền Đông Sơn ở châu thổ sông Hồng. Trong giai đoạn sớm là văn hoá Hạ Long, muộn hơn một chút là nhóm Tràng Kênh, Đầu Rằm, Bò Chuyền.

Người Hạ Long đã đạt trình độ kỹ thuật chế tác đá khá cao, tạo ra tổ hợp công cụ lao động đa dạng như: Rìu có vai, bôn có vai, bôn có vai có nấc, lưỡi xòe lệch, xòe cân. Sáng tạo loại gốm xốp được pha đất sét với vỏ nhuyễn thể nghiền nhỏ, trang trí hoa văn đắp thêm, văn khắc vạch kết hợp trổ lỗ thủng.

Dấu ấn Hạ Long cũng có mặt ở Phú Thọ trong giai đoạn văn hoá Phùng Nguyên, thể hiện qua những chiếc bôn tứ giác vuông vắn, rìu bôn có nấc, những vòng đá mặt cắt hình chữ "T", bàn mài rãnh kiểu "dấu Hạ Long", ở gốm trắng bạc, hồng nhạt, gốm chàm giải văn chữ "S"...

Cư dân văn hoá Hạ Long cũng dùng công cụ, đồ trang sức bằng đá ngọc song với tỷ lệ thấp và loại hình khác Phùng Nguyên. Trong nghệ thuật gốm, người Hạ Long đã tạo ra một phong cách riêng và thực hiện bằng thủ pháp riêng. Khi ta xem xét cũng hoa văn chữ S, nhưng ở Hạ Long tạo ra do đắp nổi, còn các hoa văn tam giác thì lại được trổ khoét thủng... kiểu tạo như vậy chưa thấy ở Phùng Nguyên

Như vậy, ở giai đoạn sơ kỳ thời đại kim khí, dường như giữa các cư dân vùng diên hải Đông Bắc và những cư dân kim khí Phú Thọ có mối quan hệ trao đổi qua lại. Những yếu tố của Hạ Long có ở Phùng Nguyên đồng thời những yếu tố của Phùng Nguyên cũng có ở Hạ

Long. Cả hai khu vực đều cho thấy sự hiện diện của những sắc thái riêng. Điều đó không phản ánh sự chiếm lĩnh hay lan toả của văn hoá Phùng Nguyên ra phía biên như các nhận thức trước đây là mà chỉ phản ánh mối quan hệ giao lưu văn hoá giữa hai khu vực.

4.3. Hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ với các di tích vùng núi các tỉnh phía Bắc

Vùng núi các tỉnh phía Bắc có các văn hoá khảo cổ có niên đại tương đương với văn hoá Phùng Nguyên ở Phú Thọ như văn hoá Mai Pha, Văn hoá Hà Giang. Cũng giống như Phùng Nguyên, các văn hoá này đều có kỹ thuật chế tác đá đỉnh cao, đồ gốm tinh xảo.

4.4. Hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ với các di tích vùng Ninh Bình-Thanh Hoá

Văn hoá Hoa Lộc gồm 3 địa điểm: Hoa Lộc, Phú Lộc và Bái Cù. Cư dân định cư trên một doi cát ven biển, tiến hành hoạt động nông nghiệp dùng cuốc, chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà; phát triển nghề đánh cá, thủ công làm gốm, chế tác đồ đá, xe sợi, dệt, đan lát và bước đầu biết đến kim loại đồng thau. Đặc trưng nổi bật là nhóm nông cụ làm đất (những cuốc đá có vai, chuỗi dài, lưỡi cong, đôi khi hơi thuôn nhọn); đồ gốm đa dạng, tiêu biểu nhất là loại đồ đựng miệng đa giác, hộp gốm hình nghiên mực, con dấu khắc hoa văn và khuyên tai hình con đĩa. Trang trí hoa văn đồ gốm nổi bật nhất là các đồ án hình học kết hợp in ấn mép vỏ sò, in hình bọ gay. Cư dân Hoa Lộc có quan hệ với cư dân Cồn Chân Tiên, văn hoá Hạ Long, nhóm cư dân miền núi Sơn La và với cư dân Phùng Nguyên ở Phú Thọ.

4.5. Hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ với các di tích đồng đại vùng Nghệ An – Hà Tĩnh.

Vùng Nghệ An – Hà Tĩnh cũng là một trong những địa bàn quan trọng của thời đại kim khí ở Việt Nam. Mặc dù về không gian địa lý khá xa, tuy nhiên, không thể phủ nhận các mối liên hệ văn hoá thông qua tổ hợp các di vật thu được ở khu vực này. Những di tích/ văn hoá nổi bật ở khu vực này có những yếu tố với các văn hoá tiền Đông Sơn ở Phú Thọ tiêu biểu là di tích Đền Đồi, di tích Rú Trăn

KẾT LUẬN

1. Phú Thọ là một tiểu vùng địa lý nằm ở khu vực trung du Bắc Bộ. Đây là tỉnh có 3 con sông lớn chảy qua gồm sông Lô, sông Hồng và sông Đà. Với điều kiện tự nhiên đa dạng bao gồm vùng núi cao, vùng đồi gò cao, vùng đồi gò thấp và khu vực đồng bằng cạnh hợp lưu của các con sông. Cùng với khí hậu nhiệt đới ẩm, gió mùa. Từ rất sớm Phú

Thọ đã trở thành nơi sinh sống và phát triển của các cộng đồng người thời kỳ đá cũ với hơn 80 địa điểm thuộc văn hoá Sơn Vi. Sau đó, nơi đây là địa bàn cư trú quan trọng của phổ hệ Phùng Nguyên – Đông Đậu – Gò Mun – Đông Sơn trong thời đại kim khí Việt Nam mà bằng chứng là một số lượng lớn các di tích đã được phát hiện trên địa bàn Phú Thọ. Số lượng các di tích được khai quật và nghiên cứu thuộc giai đoạn tiền Đông Sơn ở Phú Thọ là 44 di tích. Quá trình phát triển theo trình tự gồm các di tích văn hoá Phùng Nguyên 27 di tích, nhóm Gò Con Lợn 3 di tích, văn hoá Đông Đậu 2 di tích, văn hoá Gò Mun 13 di tích và hơn 10 di tích được điều tra khảo sát.

2. Hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ phân bố tập trung gần khu vực hợp lưu giữa sông Hồng và sông Đà, giữa sông Hồng và sông Lô. Đó là gò gò hình bát úp, các đồi gò thấp gần các con sông. Khoảng cách giữa các di tích chỉ từ 1km - 5km. Hầu hết là các di tích di cư trú, có một số ít là di chỉ - xưởng, công xưởng, một số di tích tìm thấy mộ táng. Các di tích giai đoạn Phùng Nguyên ở đây bao gồm Phùng Nguyên sớm, Phùng Nguyên cổ điển, Phùng Nguyên muộn, trong đó giai đoạn sớm và cổ điển nổi trội hơn giai đoạn muộn. Cùng địa bàn sinh sống với cư dân Phùng Nguyên nhưng có những đặc trưng văn hoá khác là nhóm di tích Gò Con Lợn, Quang Húc, Đoan Thượng và cùng cư dân Phùng Nguyên tạo dựng giai đoạn Đông Đậu phát triển tiếp theo. Giai đoạn Đông Đậu ở Phú Thọ khá mờ nhạt và giảm hẳn về số lượng di tích nếu so với giai đoạn Phùng Nguyên. Các di tích ở giai đoạn này có xu hướng dịch chuyển về phía đồng bằng, tập trung ở Vĩnh Phúc và xung quanh Hà Nội. Giai đoạn Gò Mun các di tích ở Phú Thọ phân bố thành từng cụm, mỗi cụm có 2 – 4 di tích phát triển.

3. Hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ chia sẻ những đặc điểm chung về văn hoá với các di tích tiền Đông Sơn ở châu thổ sông Hồng. Nhưng ở đây vẫn có con đường phát triển riêng. Trong đó, cách mạng luyện kim, hay nói cách khác là quá trình Đông Đậu hoá ở Phú Thọ không diễn ra mạnh mẽ như ở khu vực đồng bằng, thậm chí văn hoá Đông Đậu ở đây hết sức mờ nhạt. Ở Phú Thọ hoàn toàn vắng mặt những di tích như Đông Đậu, Đình Trảng, Vườn Chuối, Thành Dền như khu vực đồng bằng. Trái lại, ở Phú Thọ lại nổi bật với những di tích của giai đoạn sớm hơn như Gò Bông, Xóm Rền, Phùng Nguyên và muộn hơn như Gò Mun, Gò Chiền.

4. Với số lượng lớn di tích, số lượng và loại hình di vật trong hệ thống di tích này rất đa dạng và phong phú. Đồ đá nổi bật với các tập

hợp công cụ sản xuất, vũ khí, đồ trang sức với các loại hình rìu, bôn, đục, dao, cưa, bàn mài, bàn đập vỏ cây, các loại vòng tay, khuyên tai thể hiện trình độ phát triển cao của kỹ thuật chế tác đá. Di vật đồng cũng thể hiện sự đa dạng với nhiều loại hình, thể hiện trình độ chế tác cao với những bằng chứng của đúc đồng tại chỗ. Với sự hiện diện của những dấu tích đồng ở Gò Bông, cho thấy ngay từ giai đoạn sớm của Phùng Nguyên, cư dân ở đây đã biết đến đồ đồng, dù giai đoạn đó đồ đồng có thể chưa hội tụ đủ yếu tố để phát triển bùng nổ. Nhưng đó là nền tảng quan trọng cho sự phát triển về sau.

Đồ gốm Phùng Nguyên và Gò Mun ở Phú Thọ thể hiện sự hoàn thiện trong kỹ thuật chế tác đồ gốm, sự đa dạng trong nhu cầu sử dụng. Suu tập gốm Phùng Nguyên ở Xóm Rền là suu tập đầy đủ nhất về đồ gốm còn đáng trong văn hoá Phùng Nguyên. Đó là nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu về sự phát triển của đồ gốm tiền Đông Sơn ở châu thổ sông Hồng nói chung.

5. Căn cứ trên suu tập di vật, diễn biến địa tầng, nghiên cứu so sánh và những kết quả phân tích niên đại. Hệ thống di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ có niên đại trong khoảng 4500 ~ 3000 năm BP. Đây cũng là giai đoạn có những biến động về tự nhiên, khí hậu. Những biến động khí hậu theo chiều hướng suy giảm nhiệt độ, khô hạn đã thúc đẩy quá trình thay đổi địa bàn cư trú, phát triển nông nghiệp, luyện kim và kéo theo các biến đổi văn hoá khác.

6. Trong quá trình phát triển của mình, các cư dân tiền Đông Sơn ở Phú Thọ đã xây dựng cho mình một nền tảng kinh tế vững chắc dựa trên nông nghiệp lúa nước, khai thác thủy sản, và các ngành nghề thủ công chế tác đá, đồng, gốm, mộc, đan lát. Cùng với đó là đời sống tinh thần phong phú, trọng cái đẹp mà tư duy thẩm mỹ còn thể hiện rõ trên đồ trang sức, hoa văn trang trí trên đồ gốm. Đồng thời họ cũng đã tạo dựng những mối quan hệ trao đổi với các khu vực lân cận và xa như vùng ven biển Đông Bắc, vùng núi phía Bắc, vùng châu thổ sông Hồng, vùng Hà Nam – Ninh Bình, lưu vực sông Mã, lưu vực sông cả. Đó là những điều kiện quan trọng để tạo nên sự thống nhất cao trong văn hoá Đông Sơn ở bước phát triển kế tiếp.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Hoàng Văn Diệp (2019), “Chuyển dịch không gian cư trú của cư dân văn hoá Phùng Nguyên”, *Tạp chí Khảo cổ học* (6), tr. 25-36.
2. Hoàng Văn Diệp (2023), “From midlands to lowlands: the transitions from the Phung Nguyen period to the Dong Dau period in the bronze age of the Red river delta”, *University of Social Sciences and Humanities: The first international conference on the issues of social sciences and humanities*, Vietnam National University Press, Ha Noi, ISBN 978-604-9990-98-4, pp. 497 – 517.
3. Hoàng Văn Diệp (2023), “The Go Mun cultural sites in Phu Tho province and their role during the pre-Dong Son period in the Red river delta”, *University of Social Sciences and Humanities: The first international conference on the issues of social sciences and humanities*, Vietnam National University Press, Ha Noi, ISBN 978-604-9990-98-4, pp. 475-496